

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/LĐ-PT

Ngày 28 - 9 - 2020

V/v “*Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Trương Chí Trung

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 02/2020/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”;

Do bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐ - PT ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Mỹ L - Sinh năm 1990; Địa chỉ: K511/3 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Công S - Địa chỉ: 87 đường P, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn*: Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V – Trụ sở: Số 83 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Nguyễn Thành T, Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V ủy quyền cho ông Trần Q - Địa chỉ: 69 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phan Thị Mỹ L, là Nguyên đơn và Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Công S trình bày:*

Bà Phan Thị Mỹ L làm việc tại Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V (sau đây gọi tắt là Công ty) từ năm 2013 theo Hợp đồng lao động số L107 ngày 30/11/2013. Vào ngày 28/9/2019, Công ty đã ban hành Quyết định số 90/NS/QĐ-DLVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động để sa thải bà L. Ngày 30/9/2019, Công ty yêu cầu bà L tiến hành bàn giao công việc và bà L yêu cầu được nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động mới bàn giao. Tuy nhiên, bà L chỉ nhận được bản photocopy Quyết định số 90/NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 từ cô Lê Trà M chuyên viên phòng tổ chức hành chính của Công ty, chứ không được nhận bản chính. Cho đến nay, Công ty vẫn chưa thanh toán tiền lương tính đến hết tháng 9 năm 2019 mà Công ty còn nợ bà L là 18.645.000đ.

Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và không thanh toán tiền lương cho bà L đã gây ra nhiều khó khăn vì cùng một lúc Công ty đã sa thải cả hai vợ chồng bà L trong khi bà L đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Do đó, bà Phan Thị Mỹ L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V thu hồi, hủy bỏ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90 NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 đối với bà Phan Thị Mỹ L;

- Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể: Nhận bà Phan Thị Mỹ L trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và thanh toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/9/2019 tính đến ngày 25/5/2020 là

48.176.000đ cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.500.000 đồng. Với mức lương cơ bản theo hợp đồng là 4.750.000đ/24 công.

** Đại diện bị đơn ông Trần Q trình bày tại phiên tòa và nhiều văn bản gửi tòa án bị đơn đã thể hiện nội dung như sau:*

Bà Phan Thị Mỹ L là nhân viên của Công ty từ năm 2013, Công ty đã tin tưởng giao nhiều công việc cho bà và trong quá trình làm việc, bà L hoàn thành công việc khá tốt.

Tuy nhiên, vào thời gian nửa cuối tháng 9 năm 2019, bà L đột nhiên có nguyện vọng xin nghỉ việc vì đã có ý định làm việc tại công ty du lịch khác và lần lượt đi báo cáo trực tiếp với cả hệ thống tổ chức của Công ty. Khi người lao động có nguyện vọng xin nghỉ việc thì được các Phòng ban đơn vị liên quan báo cáo sự việc ra hội nghị giao ban của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các Phòng chức năng công ty vào ngày 28/9/2019. Sau khi nghe báo cáo, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động để đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của vợ chồng bà L nhằm hạn chế ảnh hưởng đến tinh thần làm việc của các nhân sự khác cũng như ngăn chặn nguy cơ rút ruột dữ liệu kinh doanh và hạn chế thấp nhất xung đột lợi ích kinh doanh khi hai vợ chồng bà L đầu quân góp vốn kinh doanh với một công ty du lịch khác cùng lĩnh vực hoạt động du lịch như Công ty.

Như vậy, trường hợp công ty chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Phan Thị Mỹ L là hoàn toàn dựa trên cơ sở để đạt nguyện vọng xin nghỉ việc của nhân sự. Việc tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động vẫn trong quá trình làm thủ tục, chưa hoàn tất. Do đó, bà L khởi kiện Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V ra tòa vì lý do Công ty “đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” với bà L là hoàn toàn sai sự thật.

Trong khi đó, bà L thông qua một người thứ ba để khiếu nại và khởi kiện Công ty, vắng mặt tại Công ty không có lý do từ ngày 02/10/2019 cho đến nay không chịu đến Công ty để làm các thủ tục liên quan, đặc biệt là việc giải quyết công nợ tồn đọng mà hai vợ chồng bà L chiếm giữ.

Về yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của bà L, chúng tôi khẳng định Công ty chưa ban hành Quyết định. Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh du lịch lữ hành nên quy định và trình tự thủ tục giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty chúng tôi rất chặt chẽ trên nguyên tắc

bảo vệ tính tổ chức, an toàn kinh doanh khi người lao động có nguyện vọng xin nghỉ việc thì căn cứ vào báo cáo của tổ chức, Công ty sẽ xem xét đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động. Vì chưa hề ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà L nên không thể yêu cầu chúng tôi thu hồi hay hủy bỏ. Việc bà L có bản photocopy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, không phải bản chính có dấu đỏ nên cũng chưa phát sinh hay ảnh hưởng đến quyền lợi đối với bà L.

Trong trường hợp bà L không muốn quay trở lại làm việc nữa và yêu cầu thanh toán tiền lương, các khoản bảo hiểm cho bà L: Chúng tôi khẳng định không hề có quy định và không bao giờ giữ lương và nợ các khoản bảo hiểm của người lao động. Như đã đề cập ở trên, bà L đã vắng mặt không có lý do từ ngày 02/10/2019 nên không thể thực hiện bàn giao và các thủ tục liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng. Nếu không làm việc trực tiếp, thì chúng tôi không thể giải quyết các quyền lợi cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phan Thị Mỹ L hoàn toàn đúng quy định nên chúng tôi không có trách nhiệm bồi thường gì cho bà L. Riêng những quyền lợi của người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật, chúng tôi sẽ thanh toán tất cả cho bà L theo số liệu đối chiếu đầy đủ, chính xác. Chúng tôi một lần nữa đề nghị bà L phải trực tiếp để rà soát và thống nhất số tiền, bàn giao vật tư và hồ sơ làm việc đầy đủ.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ Điều 38; khoản 1 Điều 42; Điều 47 và khoản 3 Điều 155 của Bộ luật lao động;

- Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L đối với Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải thu hồi quyết định số 90 NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 về việc chấm dứt hợp đồng với bà Phan Thị Mỹ L.

2. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V nhận bà Phan Thị Mỹ L trở lại làm việc và phải trả cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền tính từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020 tổng cộng là 45.268.825đ (*Bốn mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi lăm đồng*), gồm các khoản sau:

- Tiền lương: 4.207.140đ x 8 tháng = 33.657.120đ
- Tiền bảo hiểm xã hội: 33.657.120đ x 8% = 2.692.569đ
- Tiền bảo hiểm y tế: 33.657.120đ x 1.5% = 504.856đ
- Ít nhất hai tháng tiền lương theo hợp đồng: = 8.414.280đ

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.358.064đ.

- Bà Phan Thị Mỹ L được miễn nộp tiền án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V và bà Phan Thị Mỹ L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V đề nghị Tòa án cấp phúc xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L; Bà Phan Thị Mỹ L đề nghị Tòa án cấp phúc xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Linh.

Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V và bà Phan Thị Mỹ L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Công ty V:

Nội dung kháng cáo về tố tụng:

[1] Công ty V kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào bản photo quyết định số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 để thụ lý vụ án và tuyên xử buộc Công ty V thu hồi quyết định là vi phạm tố tụng. HĐXX xét thấy việc cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu photo là vi phạm Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng căn cứ vào Điều 93 BLTTDS thì chứng cứ là những gì có thật được cơ quan, tổ chức khác giao nộp, nội dung này không thuộc trường hợp vi phạm tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù, Quyết định số: 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 chỉ là bản photo nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan và bổ trợ cho việc Công ty V có ban hành Quyết định số 90 nên mặc dù Công ty V không cung cấp và bàn giao Quyết định này cho người lao động nhưng thực tế HĐXX nhận thấy Quyết định số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 là có thật và đây là căn cứ làm phát sinh tranh chấp hiện được Tòa án hai cấp giải quyết.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty yêu cầu HĐXX xem xét quan hệ pháp luật do nguyên đơn khởi kiện HĐXX thấy yêu cầu này vượt quá phạm vi kháng cáo nên không chấp nhận.

Xét kháng cáo về mặt nội dung:

[4] Công ty V cho rằng Công ty chưa ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phan Thị Mỹ L nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty thu hồi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 là không có căn cứ. HĐXX xét đối tượng khởi kiện mà nguyên đơn yêu cầu thu hồi là quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 thì thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà L được nhân viên phòng tổ chức hành chính giao bản photo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 của Công ty V. Theo quy định của Công ty V thì sau khi người lao động hoàn thành các thủ tục bàn giao thì mới được nhận bản gốc của quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Mặt khác, trong nhiều văn bản trả lời của Công ty V cho Công ty luật là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ L cho thấy: Công ty đã xác nhận chấm dứt hợp đồng lao động với bà L, cụ thể là tại văn bản số 84 ngày 01/10/2019 của Công ty V có đoạn “... Vì vậy, trong cuộc họp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc,... Chủ

tịch HĐQT yêu cầu làm quyết định chấm dứt hợp đồng đối với hai nhân sự Việt, Linh vào ngày 28/9/2019...”, văn bản số 88/CV-DLVN ngày 11/10/2019 thể hiện: “Một lần nữa, chúng tôi khẳng định việc đưa ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông V, bà L nhằm đáp ứng nguyện vọng xin nghỉ việc của hai nhân sự này...” và trong văn bản số 85/CV-DLVN ngày 05/10/2019 có đoạn “...quyết định chấm dứt hợp đồng lao động sẽ được phát hành chính thức sau khi người lao động hoàn tất các thủ tục liên quan...”. Hơn nữa, tại Biên bản xác minh ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thể hiện: Vào tháng 9 năm 2019 Bảo hiểm xã hội quận Hải Châu nhận được hồ sơ điện tử của Công ty V về việc cắt bảo hiểm xã hội đối với bà Phan Thị Mỹ L từ tháng 10/2019 điều này phù hợp với nội dung bản photo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 mà nguyên đơn cung cấp. Do vậy, việc bà L bị Công ty V chấm dứt hợp đồng lao động theo quyết định số 90NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 là có thật nên đại diện Công ty V khai rằng chưa ra quyết định là không có căn cứ.

[5] Xét tính hợp pháp của quyết định số 90 NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Phan Thị Mỹ L thì thấy, Công ty V chấm dứt hợp đồng với người lao động chỉ căn cứ vào “Báo cáo tình hình nhân sự của Công ty V” trong khi chưa nhận được văn bản chính thức của người lao động về việc xin nghỉ việc, không chứng minh được vi phạm của người lao động, cũng như chưa tuân thủ về thời hạn báo trước theo đúng quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động. Mặt khác, Công ty V chấm dứt hợp đồng lao động với bà L trong thời gian bà L đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi là vi phạm khoản 3 Điều 39 của Bộ luật lao động, khoản 3 Điều 155 của Bộ luật lao động nên Quyết định số 90 NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 của Công ty V là trái pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V nhận bà Phan Thị Mỹ L trở lại làm việc và phải trả tiền lương, cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở.

[6] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Mỹ L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là Công ty V phải thanh toán cho bà L số tiền nợ lương tính đến hết tháng 9/2019 là 18.645.000đ và

thanh toán tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc kể từ ngày 28/9/2019 tạm tính đến ngày 25/5/2020 là 48.176.000đ cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 9.500.000 đồng. Với mức lương cơ bản theo hợp đồng là 4.750.000đ/24 công. HĐXX xét thấy:

[6.1] Về yêu cầu Công ty V phải trả số tiền lương tháng 9/2019 và lương năng suất là 18.645,000đ: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xác định bà L được hưởng lương năng suất của tháng 9/2019 cũng như bà L không cung cấp được là Công ty V nợ lương năng suất tháng 9/2019, còn phía Công ty V cho rằng tháng 9/2019 Công ty V khó khăn nên không trả lương năng suất, Công ty V thừa nhận chưa trả lương tháng 9/2019 cho bà L vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu Công ty V trả số tiền lương năng suất tháng 9/2019. Vì Công ty chưa trả lương tháng 9/2019 cho bà L nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu Công ty trả tiền lương tháng 9/2019 cho bà L với số tiền là 4.207.140đ.

[6.2] Đối với yêu cầu của bà L về việc áp dụng mức lương 4.750.000đ thì thấy theo hợp đồng lao động số L107 ngày 01/12/2013 thể hiện mức lương chi trả cho bà L theo hệ số là 2,34 bậc 1/8 nhóm CV, KTV, KS mức lương đóng bảo hiểm hàng tháng mà Công ty áp dụng đóng bảo hiểm cho bà L là 4.207.140đ. Theo quy định tại khoản 1 điều 42 của Bộ luật lao động thì áp dụng mức lương theo hợp đồng lao động để bồi thường, tuy nhiên căn cứ theo hợp đồng lao động thì mức lương mà Công ty áp dụng để đóng bảo hiểm cho bà L là cao hơn mức lương trong hợp đồng lao động, do vậy tòa án cấp sơ thẩm đã lấy mức lương đóng bảo hiểm để tính buộc Công ty bồi thường cho bà L là đã bảo vệ quyền và lợi ích cho bà L do vậy không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu áp dụng mức lương 4.750.000đ để tính bồi thường của bà L nên kháng cáo của bà L là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà L không được làm việc: Theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động thì Công ty V phải thanh toán cho bà L tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà L không được làm việc, tuy nhiên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 của Bộ luật lao động; Điều 16 và Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội; khoản 2 Điều 5, Điều 14, khoản 1 Điều 18 quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định về quản

lý thu BHXH, BHYT, BHTN, quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT nay là quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017, bởi đối với khoản tiền BHXH, BHYT thuộc nghĩa vụ của Công ty V buộc phải truy đóng cho bà L nhưng nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội chứ bà L không được nhận như nội dung án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy HĐXX xét thấy cần buộc Công ty V phải thực hiện truy đóng BHXH, BHYT cho bà L từ tháng 9/2019 đến ngày 25 tháng 5 năm 2020 (09 tháng).

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty V và chấp nhận một phần kháng cáo của bà L nên cần sửa bản lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo hướng buộc Công ty phải trả lương tháng 9/2019 và phải thực hiện truy đóng BHXH, BHYT cho bà L từ tháng 9/2019 đến ngày 25 tháng 5 năm 2020 cho bà L như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Về án phí:

[9.1] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là $46.278.540đ \times 3\% = 1.388.356đ$, người lao động được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9.2] Về án phí lao động phúc thẩm: Án phí lao động phúc thẩm Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải chịu là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009229 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 6; Điều 38; khoản 1 Điều 42; Điều 47; khoản 3 Điều 155 của Bộ luật lao động.
- Căn cứ Điều 16 và Điều 21 của Luật bảo hiểm xã hội
- Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị Mỹ L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải thu hồi quyết định số 90 NS/QĐ-DLVN ngày 28/9/2019 về việc chấm dứt hợp đồng với bà Phan Thị Mỹ L.

2. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V nhận bà Phan Thị Mỹ L trở lại làm việc và phải trả cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền tính từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020 tổng cộng là 46.278.540đ (*Bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi đồng*), gồm các khoản sau:

- Tiền lương: $4.207.140đ \times 9 \text{ tháng} = 37.864.260đ$
- Hai tháng tiền lương theo hợp đồng: $4.207.140đ \times 2 = 8.414.280đ$

Kể từ ngày bản án bà Phan Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V không trả số tiền nói trên thì hàng tháng Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V còn phải chịu tiền lãi án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành án.

3. Buộc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải thực hiện truy đóng BHXH, BHYT cho bà Phan Thị Mỹ L từ tháng 9/2019 đến ngày 25 tháng 5 năm 2020 (09 tháng).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí lao động sơ thẩm: Án phí lao động sơ thẩm Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải chịu là 1.388.356đ.

4.2. Về án phí lao động phúc thẩm: Án phí lao động phúc thẩm Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V phải chịu là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009229 ngày 25/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Phan Thị Mỹ L được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng

